

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày: 26/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Mai Vũ L, sinh năm 1994, tại huyện A, tỉnh An Giang; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Lâm; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị P; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm: 2012, con nhỏ sinh năm: 2018;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Em Huỳnh Hữu Y, sinh ngày 02/4/2001. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm: 1976. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà Bùi Ngọc A, sinh năm: 1976. (có mặt)

Cư trú: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

Em Lâm Đăng K, sinh năm: 2001. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1971. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Mai Văn H, sinh năm: 1958. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963(vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà Tạ Mỹ H, sinh năm: 1975. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/5/2018, sau khi cùng nhau chơi game, Mai Vũ L rủ Y và K đi vào khu vực Giồng Cây Da để đá banh thì Y và K đồng ý. Khi đi, Y điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen đỏ, biển kiểm soát 67G1 – 105.05 của mẹ ruột là bà Huỳnh Thị Thu T chở K và L. Khi đến nơi cả ba xuống xe ngồi đợi khoảng 30 phút nhưng không có ai đến cùng đá banh nên K nhờ L đưa về nhà. Do L không có xe nên L mượn xe mô tô biển 67G1 – 105.05 của Y, Y đồng ý và đưa chìa khóa xe cho L chở K đi theo hướng của ông C rẽ phải vào xã K, huyện A. Khi đến khu vực ngã ba thuộc ấp S, xã K thì L dừng xe lại cho K đi vào nhà. Lúc này, L nảy sinh ý định cầm xe mô tô 67G1 – 105.05 của Y lấy tiền để đánh bạc nên L chạy xe đến tiệm cầm đồ “Ngọc Ánh” ngụ ấp S, xã K, huyện A gặp bà Bùi Ngọc A cầm chiếc xe trên với giá 16.000.000 đồng. Sau đó, L thuê xe đồ chở L đến đầu cầu L để đi sang Casino phía Campuchia chơi đánh bạc và đã thua hết số tiền 16.000.000 đồng. Bị cáo về nhà ngủ đến sáng ngày 19/5/2018 thì bị cáo bỏ trốn lên tỉnh Bình Dương làm thuê nhưng do không có giấy tờ tùy thân không tạm trú được nên bị cáo trở về và bỏ trốn sang Campuchia.

Đến ngày 28/5/2018 bà Huỳnh Thị Thu T phát hiện việc L mang xe mô tô biển số 67G1 – 105.05 đi cầm tại tiệm cầm đồ “Ngọc Ánh” nên đã đến Công an thị trấn L trình báo sự việc.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số: 37/KL.ĐGTSTTHS ngày 03/7/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen – đỏ, biển kiểm soát: 67G1 – 105.05 (đã qua sử dụng) có giá trị 27.000.000 đồng.

Ngày 05/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Mai Vũ L và ra lệnh bắt L để tạm giam.

Ngày 25/9/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định truy nã đối với Mai Vũ L.

Ngày 18/01/2019 L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A để đầu thú.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKSAP ngày 25 tháng 02 năm 2019 truy tố Mai Vũ L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo trình bày: Thừa nhận có mượn xe mô tô của em Y để chở K về nhà. Sau khi đưa K về nhà, bị cáo nảy sinh ý định cầm xe nên bị cáo chạy xe đến tiệm cầm đồ “Ngọc Ánh” và thực hiện hành vi cầm xe lấy tiền sang Campuchia đánh bạc rồi bỏ trốn. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá và không có ý kiến gì khác, đồng ý bồi thường số tiền 16.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Bùi Ngọc A.

Bà A trình bày: Bà là chủ tiệm cầm đồ Ngọc Ánh. Chiều ngày 18/5/2018 bà đang ở tiệm thì gặp L điều khiển xe Exciter, biển số 67G1-105.05, màu đen đỏ hỏi cầm xe trên với giá 16.000.000 đồng, bà đồng ý và đưa 16.000.000 đồng cho L. Bà đã tự nguyện giao nộp xe trên cho Công an huyện A. Nay bà yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà 16.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt . Bị cáo, bà A, Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến.

Trong phát biểu luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Mai Vũ L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Sau khi phân tích tính chất , mức độ hành vi phạm tội ; nhân thân bị cáo ; các tình tiết giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Vũ L từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà A số tiền 16.000.000 đồng.

Đối với bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về vật chứng:

Toàn bộ vật chứng đã trả lại cho đại diện hợp của của bị hại tại giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Bị cáo mượn xe xe mô tô **hiệu** Yamaha, loại Exciter, màu đen – đỏ, biển kiểm soát: 67G1 – 105.05, trị giá 27.000.000 đồng của Huỳnh Hữu Y để đưa Lâm Đăng K về nhà. Sau khi đưa K về nhà bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên bị cáo đã thực hiện hành vi cầm xe của Y với số tiền 16.000.000 đồng và lấy số tiền này sang Campuchia đánh bạc.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 18 tuổi, có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng với mong muốn chiếm đoạt bằng được tài sản của bị hại, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Từ những căn cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và an toàn xã hội. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Điều nguy hiểm hơn là mục đích phạm tội của bị cáo, nhằm có tiền để sang Campuchia đánh bạc. Điều đó cho thấy bản chất ăn chơi, cờ bạc, máu đỏ đen và ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Bản thân bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe tốt nhưng không chịu lao động để nuôi sống bản thân, gia đình và giúp ích cho xã hội.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, thể hiện tính xem thường pháp luật nên cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo mới đủ sức răn đe,

phòng ngừa chung cho xã hội.

Cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Mai Vũ L là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú, được bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hành phạt; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đồng ý bồi thường thiệt hại; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự nhưng xét hoàn cảnh gia đình bị cáo đang khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Ngọc A yêu cầu bồi thường số tiền 16.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận khi cầm xe. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bà A số tiền này nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự giữa bà A và bị cáo.

Đối với bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen – đỏ, biển kiểm soát: 67G1 – 105.05 , số máy 55P1122196, số khung 5P10CY122188, đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số: 004612, mang tên Trương Ngọc A.

Các vật chứng trên đã trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại tại giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết (theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A).

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 136, Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Vũ L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai Vũ L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 18/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Mai Vũ L phải bồi thường cho bà Bùi Ngọc A số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Bị cáo Mai Vũ L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 (tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2019), bị cáo, bà A có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú. .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sang